TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 6 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - TUYÊN QUANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Thuận.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Quyên.
Ông Cao Xuân Nghì.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Lê Minh Hậu - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2026/TLST- HNGĐ ngày 05/3/2026 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Sùng Thị D; sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn L, xã M, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).
- Bị đơn: Anh Lò A P; sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn L, xã M, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2026, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Sùng Thị D trình bày:

Chị và anh Lò A P được tự do tìm hiểu nhau một thời gian, sau đó về chung sống với nhau vào năm 2013. Đến ngày 20/3/2014, tự nguyện đến UBND xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang (nay là UBND xã M, tỉnh Tuyên Quang) đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn L, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng: Trong quá trình chung sống, anh P hay đánh đập chị D vô cớ, thời gian đầu do con còn nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng và tiếp tục sống với anh P. Năm 2023, chị D đi bán rau, rồi đón con đi học về, anh P bảo chị không làm gì, không cho chị D ăn cơm, đập phá tài sản và đánh chị, do không chịu được chị đã bỏ nhà đi làm thuê, sau đó chị D về thăm con thì anh P lại đánh đập và đuổi chị ra khỏi nhà, đến ngày lễ tết chị vẫn về thăm con nhưng lần nào về anh P luôn nói là chị D đi với người khác và đuổi chị D. Lần gần đây nhất là vào ngày 29 tết Âm lịch năm 2026 chị D về nhà thì anh P tiếp tục đánh, nhưng chị không báo chính

quyền địa phương giải quyết nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn S, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang. Hiện tại chị không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng anh P được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tuyên Quang cho chị D được ly hôn với anh Lò A P.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lò Hạnh P1, sinh ngày 15/01/2014 hiện cháu đang học lớp 6 trường THCS &, xã M, tỉnh Tuyên Quang và cháu Lò Xuân L, sinh ngày 12/10/2018, hiện cháu học lớp 1 tại điểm trường Tiểu học thôn L, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Các con đều đang sống với anh P tại thôn L, xã M, tỉnh Tuyên Quang.

Hiện chị D đang làm lao động tự do, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 9.000.000 đồng *(Chín triệu đồng).*

Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết nên không kê khai.

Tại phiên tòa đề nghị giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Lò A P; về con chung: Nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Xuân L, sinh ngày 12/10/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi; để cháu Lò Hạnh P1, sinh ngày 15/01/2014 cho anh L1 A P trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết.

2. Bị đơn anh Lò A P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án

Tòa án đã tiến hành thực hiện các thủ tục triệu tập lấy lời khai, xác minh, thu thập thông tin và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Lò A P cố tình trốn tránh không có mặt theo yêu cầu của Tòa án và không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị Sùng Thị D. Do đó Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. Về tình trạng mâu thuẫn gia đình

Ngày 07/4/2026 Trưởng thôn Lùng Càng, xã M cung cấp cho Tòa án: Trong quá trình sinh sống tại địa phương có thấy họ hàng và anh em nhà anh P nói anh P hay đánh chị D do hai vợ chồng thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn với nhau, tuy nhiên hai anh chị không nhờ chính quyền thôn giải quyết nên thôn không lập biên bản giải quyết mâu thuẫn nào. Từ giữa năm 2023 đến nay không thấy anh P và chị D chung sống với nhau nữa, chị D đi làm thuê ở xa, lâu lâu cuối tuần hoặc tết lễ vẫn thấy chị về thăm con rồi đi luôn. Sau đó cũng không thấy chị D về nhà sống chung với gia đình anh P nữa. Chỉ thấy anh P sống cùng nhà với mẹ đẻ, em trai và hai con. Hiện anh Lò A P không có mặt tại địa phương, anh P đi làm thuê ở đâu không rõ địa chỉ. Trong thời gian vắng mặt không trình báo tại Công an xã M và chính quyền địa phương. Tuy nhiên, thỉnh thoảng khi gia đình có công việc thì anh P vẫn về nhà và thăm các con một thời gian rồi lại đi.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án cơ bản đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan.

Đối với bị đơn Lò A P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, xác minh, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh P cố tình trốn tránh không có mặt để làm việc, không có ý kiến bằng văn bản để gửi đến Tòa án, do đó việc xét xử vắng mặt bị đơn Lò A P là phù hợp quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Sùng Thị D được ly hôn với anh Lò A P.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Lò Xuân L, sinh ngày 12/10/2018 cho chị Sùng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, giao cháu Lò Hạnh P1, 15/01/2014 cho anh L1 A P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Sùng Thị D và anh Lò A P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị xem xét cho chị Sùng Thị D được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Lò A P không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn Lò A P có nơi cư trú tại thôn L, xã M, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt bị đơn Lò A P: Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi cư trú của bị đơn xác định bị đơn đi làm thuê không thực hiện thủ tục khai báo tạm trú, khi đi không báo chính quyền địa phương và Công an xã M nhưng thỉnh thoảng có công việc gia đình anh P vẫn về nhà. Các văn bản tố tụng gửi cho bị đơn được Tòa án niêm yết công khai theo quy định của pháp luật nhưng anh P không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến, quan điểm và chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Toà án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ

chối khai báo, cung cấp tài liệu chứng cứ nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Bị đơn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 .

Tại phiên tòa bị đơn Lò A P vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Sùng Thị D và anh Lò A P được xác lập trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/3/2014 tại UBND xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang (nay là xã M, tỉnh Tuyên Quang) là hôn nhân hợp pháp. Qua xác minh tình trạng mâu thuẫn do trưởng thôn Lùng C và do gia đình cung cấp hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã với nhau, anh P có đánh chị D nhưng do anh chị không báo chính quyền thôn, xã giải quyết nên không có biên bản giải quyết nào, chị D và anh P đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn gia đình như chị D đã trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, chị D cương quyết xin ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận xử cho chị D được ly hôn với anh P là phù hợp với quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Xét thấy cháu Lò Hạnh P1, sinh ngày 15/01/2014 được sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và cháu Lò Xuân L, sinh ngày 12/10/2018 ghi mẹ Sùng Thị D và bố Lò A P nên là con chung của vợ chồng. Tại bản tự khai vào ngày 07/4/2026 của cháu Lò Hạnh P1, sinh ngày 15/01/2014 có nguyện vọng là được ở với bố đẻ là Lò A P, bản tự khai của cháu Lò Xuân L, sinh ngày 12/10/2018 nguyện vọng là được ở với mẹ đẻ Sùng Thị D. Trong quá trình giải quyết vụ án chị D có nguyện vọng nuôi cháu Lò Xuân L, sinh ngày 12/10/2018, giao cho anh L1 A P nuôi cháu Lò Hạnh P1, sinh ngày 15/01/2014, không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, sau khi ly hôn việc giao con chưa thành niên cho người nào nuôi dưỡng, giáo dục là nhằm mục đích giúp con chưa thành niên phát triển tốt về tinh thần lẫn thể chất, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử, xét thấy cần giao cháu Lò Xuân L, sinh ngày 12/10/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Về cháu Lò Hạnh P1, nguyện vọng của cháu là ở với bố đẻ Lò A P, mặc dù anh Lò A P không có ý kiến, yêu cầu về nuôi con chung nhưng hiện nay cháu đang sinh sống, học tập ổn định với bà nội tại thôn L, xã M, tỉnh Tuyên Quang, tại biên bản xác minh tại trường THCS & ngày 07/4/2026 cô giáo chủ nhiệm cung cấp các anh P thường xuyên hỏi thăm tình hình học tập của con với cô giáo và đóng góp các khoản thu nộp của Nhà trường nên để đảm bảo quyền lợi cho con được chăm sóc, giáo dục và phát triển tốt nhất, tránh sự thay đổi môi trường sinh sống, học tập là phù hợp với các Điều 58, Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cho anh L1 A P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Hạnh P1, sinh

ngày 15/01/2014 cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết, anh P không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án. Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: Chị Sùng Thị D sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người dân tộc thiểu số và có đơn đề nghị miễn nộp án phí. Hội đồng xét xử xét cho nguyên đơn chị D được miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật. Anh Lò A P không phải chịu tiền án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sùng Thị D. Xử cho chị Sùng Thị D được ly hôn với anh Lò A P.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cho chị Sùng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Xuân L, sinh ngày 12/10/2018 đến khi con đủ 18 tuổi.
- Giao cho anh L1 A P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Hạnh P1, sinh ngày 15/01/2014 đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Sùng Thị D và anh Lò A P không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị D và anh P không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này chị D và anh P có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không.

4. Về án phí: Chị Sùng Thị D được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Anh Lò A P không phải chịu tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 7 - Tuyên Quang;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Minh Ngọc, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Thuận